



# BẢN TIN

## KINH TẾ | TÀI CHÍNH | TIỀN TỆ

Tuần 2 | Tháng 6/2024



Kinh tế thế giới hồi phục ổn định nhưng không đồng đều và còn nhiều thách thức

Fed có thể sẽ chỉ cắt giảm lãi suất duy nhất một lần trong năm nay

Cán cân thương mại xuất siêu 8 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm

VN Report: Ngành Ngân hàng sẽ có mức tăng trưởng tương đối tích cực trong năm nay

LƯU HÀNH NỘI BỘ



<https://vnba.org.vn/>



(024) 382 187 33

# BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Tuần 2 tháng 6 (10-14/6/2024)

## CÁC THÔNG TIN CHÍNH

### Kinh tế - tài chính thế giới

- Ngân hàng Thế giới: Kinh tế thế giới hồi phục ổn định nhưng không đồng đều;
- Kinh tế Mỹ: Lạm phát chậm lại trong tháng 5/2024, người tiêu dùng lo ngại khi giá cả vẫn cao và thu nhập giảm;
- Kinh tế khu vực EURO: Kinh tế khu vực EURO đã trở lại tăng trưởng;
- Kinh tế Nhật Bản: Tăng trưởng suy giảm ít hơn ước tính;
- Kinh tế Trung Quốc: Lạm phát tháng 5 dưới mức dự báo;
- Fed có thể sẽ chỉ cắt giảm lãi suất duy nhất một lần trong năm nay;
- BOJ không điều chỉnh chính sách lãi suất, cân nhắc giảm mua vào trái phiếu;
- Trong tuần qua, giá dầu thế giới tăng gần 4%, giá vàng thế giới tăng trở lại.

### Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

- Thủ tướng khẳng định những kết quả đạt được nổi bật của DNNN trong 5 tháng đầu năm;
- UOB dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm 2024 sẽ đạt 6%;
- Cán cân thương mại xuất siêu 8 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm;
- Đến 17/6/2024, vàng miếng SJC ghi nhận 7 ngày liên tiếp không biến động về giá;
- Cho đến giữa tháng 6/2024, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục biến động tăng;
- Thị trường liên ngân hàng: Lãi suất tăng mạnh ở hầu hết các phiên nhưng giảm khá mạnh phiên cuối tuần với tất cả các kỳ hạn;
- Trên thị trường mở: NHNN hút ròng 9.148,57 tỷ từ thị trường qua kênh OMO;
- Trên thị trường ngoại hối: Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng - giảm nhẹ; Tỷ giá trên thị trường tự do tăng trở lại trong tuần qua;
- VN Report: Dù thị trường chưa hoàn toàn thuận lợi nhưng ngành Ngân hàng

# A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

## I. Kinh tế - tài chính

### Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

**Ngân hàng Thế giới: Kinh tế thế giới hồi phục ổn định nhưng không đồng đều, còn đối mặt với nhiều thách thức**

	Chênh lệch so với dự báo tháng 1/2024				
	2023e	2024f	2025f	2024f	2025f
Thế giới	2.6	2.6	2.7	0.2	0
Các nền kinh tế phát triển	1.5	1.5	1.7	0.3	0.1
Mỹ	2.5	2.5	1.8	0.9	0.1
Khu vực EURO	0.5	0.7	1.4	0	-0.2
Nhật Bản	1.9	0.7	1	-0.2	0.2
Các nền kinh tế đang phát triển	4.2	4	4	0.1	0
Đông Á-TBD	5.1	4.8	4.2	0.3	-0.2
Trung Quốc	5.2	4.8	4.1	0.3	-0.2

Căng thẳng thương mại lên cao và khả năng các nước tăng cường chính sách hướng nội có thể gây sức ép lên hoạt động thương mại và kinh tế toàn cầu

### Kinh tế Mỹ

#### Lạm phát chậm lại trong tháng 5/2024

Cả lạm phát (CPI) toàn phần và lạm phát lõi đều chậm lại và dưới mức dự báo. Giá lương thực đã xuống mức thấp nhất 3 tháng (2,2% y/y), cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 3/2020 nhưng giá năng lượng vẫn tăng lên 3,7% y/y.

Đáng chú ý, lạm phát giá sản xuất (PPI) cũng giảm 0,2% m/m (tháng trước tăng 0,5%).

Kỳ vọng lạm phát trung hạn (trong vòng 1 năm) cũng giảm xuống 3,2% so với mức kỳ vọng tháng trước 3,3%; và kỳ vọng lạm phát 3 năm ở mức 2,8%.

Người tiêu dùng lo ngại khi giá cả vẫn cao và thu nhập giảm, **Chỉ số tâm lý tiêu dùng của Đại học Michigan giảm 3 tháng liên tiếp**, xuống mức thấp nhất kể từ tháng 11/2023 còn 65,6 điểm trong tháng 6/2024.

### Kinh tế khu vực EURO: Trở lại tăng trưởng nhưng bất ổn chính trị gia tăng

Bất ổn chính trị gia tăng sau khi các đảng cực hữu giành được nhiều ghế hơn trong cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu. Tại Pháp, Tổng thống Emmanuel Macron đã kêu gọi bầu cử sớm sau thất bại lớn trước đảng National Rally; tại Đức, đảng Dân chủ

Ngày 11/6/2024, Ngân hàng Thế giới (WB) công bố báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu mới nhất, theo đó WB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 lên 2,6% nhờ triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ có thể đạt mức 2,5%, so với ước tính trước đó là 1,6%, lạm phát toàn cầu sẽ giảm xuống 3,5% trong năm nay và 2,9% vào năm tới, mức giảm chậm hơn so với ước tính hồi tháng 1/2024.

**WB nhận định:**

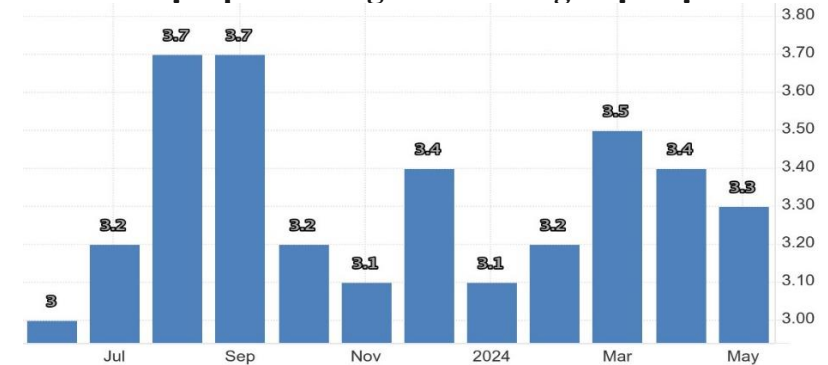
- Sự hồi phục là không đồng đều giữa các khu vực và cảnh báo rằng sức tăng trưởng vẫn yếu so với trước đại dịch Covid-19.

- Lãi suất có thể sẽ vẫn ở mức cao so với trước đại dịch và đạt trung bình khoảng 4% trong năm 2025-2026.

- 3 rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu gồm lãi suất cao, leo thang xung đột khu vực và các vấn đề chính trị ở các nền kinh tế lớn. Bên cạnh đó là rủi ro từ thương mại toàn cầu vẫn có thể còn suy yếu do các biện pháp hạn chế cũng như sự bất ổn chính sách thương mại ngày càng tăng...

Nguồn: WB

### Lạm phát tháng 5/2024 đang chậm lại



CPI toàn phần/so với tháng trước/so với dự báo	
YoY	+3,3%/3,4%/3,4%
MoM	+0,0%/0,3%/0,1%
CPI lõi/ so với tháng trước/so với dự báo	
YoY	+ 3,4%/3,6%/3,5%
MoM	+ 0,2%/0,3%/0,3%
PPI (m/m):	-0,2%/0,5%/0,1%

### Kinh tế khu vực EURO đã trở lại tăng trưởng

Theo dữ liệu điều chỉnh lại lần cuối, **kinh tế khu vực EURO trong quý I/2024 chính thức đạt mức tăng trưởng 0,3% q/q**, chuyển sang hồi phục sau 2 quý suy giảm (giảm 0,1% mỗi quý). Đây cũng là mức tăng trưởng mạnh nhất kể từ quý III/2022 nhờ đạt mức thặng dư thương mại ròng lớn nhất

Xã hội của Thủ tướng Scholz đã tụt xuống vị trí thứ ba sau đảng Alternative cực hữu; tại Ý, đảng Brothers of Italy của Georgia Meloni đã giành được 28,8% số phiếu bầu, vượt qua ngưỡng 26% mà đảng này giành được trong năm 2022.

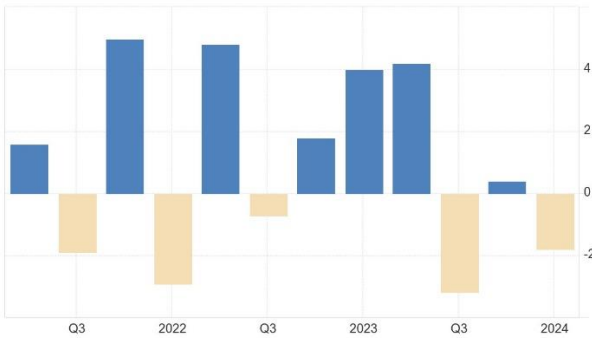
Đồng tiền chung EURO đã có thời điểm tụt xuống mức 1,075 đô la - chạm mức thấp nhất trong một tháng - do cùng lúc chịu áp lực từ những bất ổn chính trị khu vực đồng thời với việc đồng USD tăng giá khi dữ liệu việc làm tại Mỹ vẫn mạnh mẽ và quan điểm cứng rắn của các nhà hoạch định chính sách lãi suất tại Fed trong tuần này.

Ngân hàng Trung ương Châu Âu đã thực hiện đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên sau 5 năm vào tuần trước, nhưng có quan điểm rất cẩn trọng đối với các đợt cắt giảm lãi suất tiếp theo nếu có.

**Kinh tế Nhật Bản: Kinh tế quý I/2024 suy giảm ít hơn ước tính ban đầu**

GDP giảm trong quý I/2024:  
*(Quý I/2024/so với sơ bộ ước tính/quý trước)*  
 Y/Y: -1,8%/-2,0%/+0,4%  
 Q/Q: -0,5%/-0,5%/+ 0,1%.

JP GDP Growth Annualized - percent



Source: tradingeconomics.com | Cabinet Office, Japan

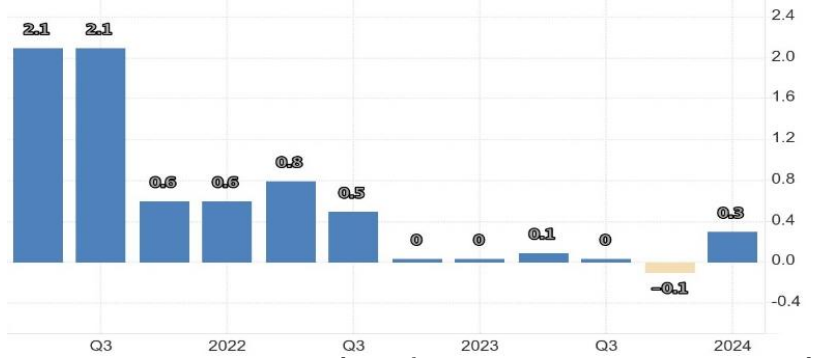
**Kinh tế Trung Quốc**

**Lạm phát tháng 5 dưới mức dự báo**

Lạm phát tháng 5/2023 tương đương tháng trước đó ở mức 0,3% y/y, thấp hơn một chút so với mức thị trường dự báo (0,4%).

Tuy nhiên, đây đã là tháng thứ 4 lạm phát trở lại mức dương cho thấy sự hồi phục về tiêu dùng trong nước đang chạy đà. Giá hàng hóa phi lương thực tiếp tục tăng (0,8%), giá lương thực vẫn tiếp tục giảm tháng thứ 11 liên tiếp nhưng tốc độ giảm đã thấp nhất kể từ tháng 2/2024 (-2%).

(xuất khẩu cả quý tăng 1,4% trong khi nhập khẩu chỉ tăng 0,3%).



Trong tháng 4/2024, xuất khẩu khu vực tăng 14% thu về 247,6 tỷ EURO, trong khi nhập khẩu chỉ tăng 1,8% (232,5 tỷ EURO).

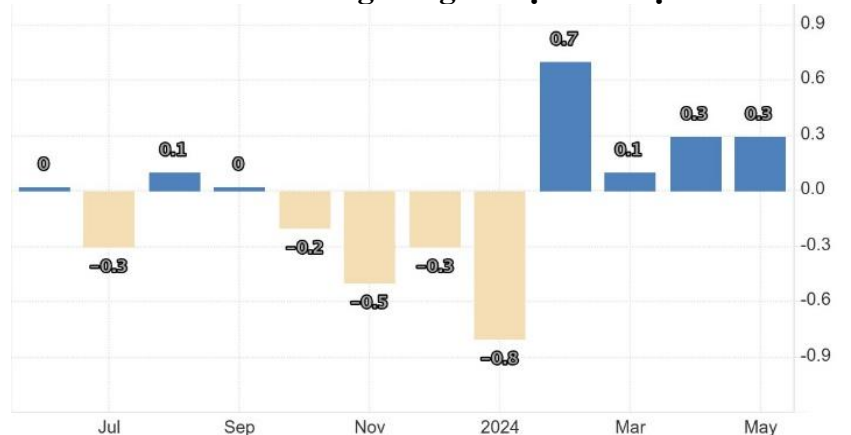
Trong 4 tháng đầu năm nay, xuất khẩu tăng gần 1% thu về gần 852 tỷ EURO, nhập khẩu lại giảm trên 10%, do đó đạt mức thặng dư thương mại trên 66 tỷ EURO so với con số thâm hụt trên 33 tỷ EURO năm 2023.

Theo dữ liệu điều chỉnh lại của Cơ quan thống kê, Kinh tế Nhật Bản trong quý I/2024 suy giảm 1,8% y/y, thấp hơn so với mức ước tính ban đầu (-2%) và thị trường dự báo (-1,9%), chủ yếu do chi dùng kinh doanh không suy giảm mạnh như dự báo.

Kinh tế Nhật bản suy giảm do tiêu dùng tư nhân vẫn còn yếu trong 4 quý liên tiếp trong bối cảnh giá cả tăng, tiền lương tăng ít và tác động của động đất đầu năm nay. Bên cạnh đó, nhu cầu thế giới cũng suy giảm khiến xuất khẩu giảm mạnh hơn nhập khẩu.

Về triển vọng sắp tới, các chỉ số kinh tế dẫn báo (LEIs) hiện chỉ giảm nhẹ điểm (111,6 điểm so với tháng trước 111,7) trước tình hình tâm lý người tiêu dùng và tăng trưởng khu vực dịch vụ yếu hơn nhưng hoạt động khu vực sản xuất đã trở lại tăng trưởng lần đầu tiên kể từ tháng 5/2023. Chỉ số chi dùng cá nhân cũng đã có dấu hiệu hồi phục rõ rệt sau 14 tháng khi đạt mức tăng 0,5% y/y trong tháng 4/2024 (tháng trước giảm 1,2%).

**Giá tiêu dùng đang ổn định trở lại**



Chỉ số lạm phát lõi (loại trừ giá lương thực và năng lượng) tăng 0,6% y/y so với tháng trước là 0,7%.

Lạm phát giá sản xuất (PPI) giảm 1,4% y/y, giảm ít hơn tháng trước (-2,5%) và dự báo -1,5%). Như vậy, PPI đã có tháng giảm thứ 15 liên tiếp. Trong vòng 5 tháng qua, PPI giảm 2,4%.

*Nguồn: BLS/EUROSTAT/Nikkei/NBS/Tradingeconomics*

## II. Thị trường tài chính

### Động thái chính sách các NHTW lớn

#### Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed): Có thể chỉ cắt giảm lãi suất một lần trong năm nay

LÃI SUẤT (ĐIỂM CƠ BẢN)	XÁC SUẤT FED ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT TRONG CUỘC HỌP THÁNG 9/2024		
	HIỆN TẠI *	TUẦN TRƯỚC 07/06/2024	THÁNG TRƯỚC 15/05/2024
450-475	0.0%	0.1%	0.5%
475-500	6.6%	3.8%	18.4%
500-525	61.1%	46.6%	53.5%
525-550 (Current)	32.3%	49.5%	27.6%

\* Dữ liệu tính đến ngày 15/06/2024 của CME

Trong phiên họp chính sách ngày 12/6/2024, Fed không điều chỉnh lãi suất cấp vốn liên bang (Fed fund rates) như thị trường đã dự báo và *có thể* sẽ chỉ cắt giảm lãi suất duy nhất một lần (0,25 điểm %) trong năm nay thay vì dự định 3 lần như cuộc họp lần trước đưa ra.

Đây là tín hiệu “điều hòa” cùng với sự điều chỉnh trong dự báo lạm phát cao hơn dù những số liệu CPI mới nhất cho thấy lạm phát có chiều hướng “dịu bớt”.

Theo công cụ tính xác suất của CME Group, khả năng Fed cắt giảm lãi suất trong phiên họp tháng 9 đã tăng nhiều so với cách đây 1 tuần (từ 46,6% lên 61,1%)

### NHTW Nhật Bản (BOJ)

Trong phiên họp ngày 14/6/2024, các nhà hoạch định chính sách BOJ đồng thuận giữ nguyên chính sách lãi suất cơ bản ngắn hạn ở mức 0,0%-0,1% như thị trường kỳ vọng.

BOJ đã thực thi chính sách lãi suất âm từ 2007 đến tháng 3/2024 mới điều chỉnh tăng lần đầu tiên.

BOJ cũng phát tín hiệu có thể cân nhắc bắt đầu giảm dần lượng mua vào trái phiếu trong phiên họp tháng 7/2024. Hiện BOJ thực hiện mua lượng trái phiếu trị giá 6 nghìn tỷ JPY/tháng.

BOJ nhận định nền kinh tế Nhật Bản đã hồi phục nhẹ dù một vài khu vực kinh tế còn mong manh. Lạm phát trong khoảng 2-2,5% và kỳ vọng lạm phát chỉ tăng nhẹ; Tiêu dùng tư nhân khá bền bỉ, góp phần cải thiện lợi nhuận doanh nghiệp và đầu tư kinh doanh. Tuy nhiên, xuất khẩu và đầu tư công vẫn trì trệ.

*Nguồn: Fed/BOJ*

## III. Thị trường hàng hóa quốc tế

### Giá dầu thế giới tăng gần 4% tuần

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần (14/06/2024), hợp đồng dầu WTI giảm 17 cent (tương đương 0,22%) xuống 78,45 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent giảm 13 cent (tương đương 0,16%) còn 82,62 USD/thùng.

Giá dầu cuối tuần giảm nhưng vẫn tăng gần 4% trong cả tuần do nhu cầu nhiên liệu mùa hè được dự báo sẽ làm giảm lượng dự trữ trong những tuần tới, mặc dù mùa cao điểm sử dụng nhiên liệu đã có khởi đầu ảm đạm.

### Giá vàng thế giới tăng trở lại sau 4 tuần có xu hướng giảm

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần (ngày 14/06/2024), hợp đồng vàng giao ngay tăng 1,4% lên 2.334,70 USD/oz và cả tuần tăng 1,9% so với tuần trước đó.

Nhu cầu bảo toàn tài sản tài chính trong bối cảnh thế giới bất ổn về kinh tế và địa chính trị, cũng như việc các ngân hàng trung ương liên tục mua vào vàng đã góp phần đẩy giá vàng leo giá từ tháng 3 đến tháng 5/2024, vượt lên mức cao kỷ lục 2,449.89 USD/oz vào ngày 20/05/2024.

*Nguồn: KITCO/OPEC*

## B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

### I. THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ

**Thủ tướng khẳng định những kết quả đạt được nổi bật của DNNN trong 5 tháng đầu năm nay**

*Thứ nhất*, DNNN bám sát, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch được phê duyệt, trong đó tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, đạt kết quả khả quan về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước, đồng thời bảo đảm đời sống, thu nhập cho người lao động.

*Thứ hai*, DNNN tập trung thực hiện các dự án đầu tư phát triển và đạt nhiều chuyển biến tích cực, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả theo kế hoạch được phê duyệt. Đến hết tháng 5, giá trị thực hiện đầu tư hợp nhất của 19 tập đoàn, tổng công ty lớn đạt trên 76.000 tỷ (bằng 38% kế hoạch năm và 120% so với cùng kỳ).

**Dự báo tăng trưởng kinh tế 2024: quý II đạt 6%, cả năm có thể đạt mục tiêu 6-6,5%**

*Ngân hàng UOB dự báo GDP cả năm sẽ tăng 6%, so với mục tiêu chính thức là 6-6,5% trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang có nhiều dấu hiệu phát triển tích cực.*

**Tình hình xuất nhập khẩu 5 tháng đầu năm**

*Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024:*

Tổng xuất nhập khẩu ước đạt 305,53 tỷ USD, tăng 16,6% (tăng 44,56 tỷ USD) y/y.

Xuất khẩu ước tính đạt 156,77 tỷ USD, tăng 15,2% (trương ứng tăng 21,29 tỷ USD) y/y.

Một số dự án lớn trọng điểm, quan trọng quốc gia đạt giá trị thực hiện cao, nhất là trong lĩnh vực năng lượng như nhiệt điện Nhơn Trạch 3, 4, Quảng Trạch 1, mở rộng thủy điện Hòa Bình, Yaly, đường dây 500 kV, chuỗi dự án điện khí lô B, các dự án giao thông (mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất, Nội Bài, cao tốc Bến Lức – Long Thành, cảng hàng không Long Thành, các bến container số 3, 4 tại cảng Lạch Huyện), tái cơ cấu dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn) đạt kết quả tích cực...

*Thứ ba*, DNNN tiếp tục giữ vững vị trí, phát huy vai trò nòng cốt, chủ lực, chủ đạo trong nhiều lĩnh vực, ngành kinh tế quan trọng, góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn thông qua cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu như điện, than, xăng dầu, hóa chất cơ bản, vận tải đường hàng không, đường biển, đường sắt, viễn thông, công nghệ thông tin..., đáp ứng nhu cầu của nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Có DNNN địa phương phát triển mạnh, vươn ra khắp cả nước.

*Thứ tư*, khu vực DNNN từng bước chuyển mình trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, thí điểm và áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nâng cao uy tín trong nước và thế giới. Một số DNNN lớn vươn lên đi đầu trong các lĩnh vực công nghệ mới, cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

*Nguồn: Chinhphu.vn*

*Kinh tế Việt Nam từ đầu năm có nhiều dấu hiệu tích cực:*

- Tăng trưởng quý I/2024 đạt mức tăng trưởng 5,66%;
- Xuất khẩu hàng hóa liên tiếp có tháng thứ ba tăng trưởng hai con số, 5 tháng đầu năm, xuất khẩu tăng 16% so với cùng kỳ và nhập khẩu tăng 18,6% so với mức âm trong cùng kỳ năm 2023;
- Trong 5 tháng đầu năm, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng 7,8% so với cùng kỳ lên 8,3 tỉ đô la Mỹ, nhanh nhất trong giai đoạn 5 tháng kể từ 2018;
- Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) trong lĩnh vực sản xuất đạt mức điểm 50,3 trong 2 tháng vừa qua, tăng 8,9% so với cùng kỳ, tăng trưởng thứ ba liên tiếp trong năm 2024...

*Nguồn: UOB*

### Thương mại hàng hóa 5 tháng đầu năm 2024

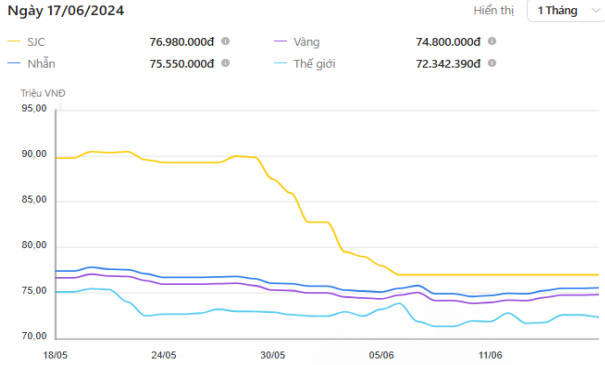
Chỉ tiêu	Trị giá (tỷ USD)	+/- m/m (%)	Lũy kế (tỷ USD)	+/- y/y (%)
Xuất khẩu	32.27	3.9	156.77	15.2
Nhập khẩu	32.72	9.1	148.76	18.2
Xuất nhập khẩu	64.99	6.5	305.53	16.0
Cán cân thương mại	-0.46	-	8.01	-

Nhập khẩu ước đạt 148,76 tỷ USD, tăng 18,2% (tương ứng tăng 23,27 tỷ USD) y/y.

Cán cân thương mại: Xuất siêu trên 8 tỷ USD.

## Quản lý thị trường vàng

### Diễn biến giá vàng tuần qua



Đến 17/6/2024, vàng miếng SJC ghi nhận ngày thứ 7 liên tiếp không có biến động về giá, hiện dao động quanh mức 74,98-76,98 triệu đồng/lượng (mua - bán). Vàng nhẫn tăng nhẹ 100.000 đồng/lượng so với trước đó.

## Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục biến động tăng

Cho đến giữa tháng 6/2024, lãi suất huy động tiếp tục được các ngân hàng điều chỉnh tăng.

Xuất nhập khẩu tháng 5/2024:

Xuất khẩu ước đạt 32,81 tỷ USD, tăng 5,7% (tương ứng tăng 1,76 tỷ USD) m/m. Nhập khẩu ước đạt 33,81 tỷ USD, tăng 12,7% (tương ứng tăng 3,82 tỷ USD) m/m.

Cán cân thương mại: ước nhập siêu 1 tỷ USD.

Nguồn: TCHQ

Sau 9 phiên đấu thầu vàng miếng, 48.500 lượng vàng SJC (khoảng 1,8 tấn), chênh lệch giá vàng giữa trong nước và ngoài nước vẫn chưa giảm. Từ đầu tháng 6/2024, NHNN dừng đấu thầu vàng miếng vì không giảm được chênh lệch giá với thế giới và thông báo sẽ trực tiếp bán vàng cho 4 ngân hàng thương mại (Vietcombank, VietinBank, BIDV, Agribank và SJC) để các ngân hàng này trực tiếp bán vàng tới người dân, qua đó đã giảm mạnh chênh lệch giá vàng trong nước và ngoài nước.

Trong tuần qua, đã xuất hiện tình trạng nhiều người xếp hàng mua gom vàng tại nhiều điểm bán với mục tiêu đẩy giá, hưởng chênh lệch, gây bất ổn thị trường.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản đề nghị Bộ Công an chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp xác minh và xử lý nghiêm các hành vi tung tin thất thiệt, đầu cơ, trục lợi, thao túng thị trường...

Hai ngân hàng lớn đã mở thêm kênh bán vàng miếng trực tuyến, Vietcombank (từ 12/6) và Agribank (từ 17/6).

### Mức lãi suất huy động cao nhất một số kỳ hạn

Kỳ hạn	Không Kỳ Hạn	01 tháng	03 tháng	06 tháng	09 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng
Mức lãi suất cao nhất	0,5%	3,5%	3,8%	5,05%	5,25%	5,75%	6,1%	5,85%
Ngân hàng	Bắc Á	Bắc Á	NCB	NCB	NCB	TCB	NCB	TCB

NCB và TCB là những ngân hàng có một số mức lãi suất huy động cao nhất hệ thống.

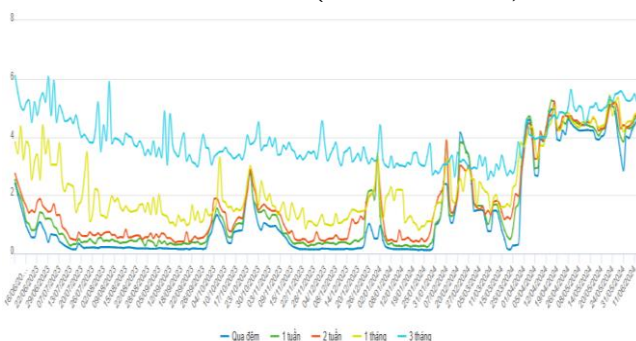
Nguồn: Tổng hợp thông tin các ngân hàng thương mại

## II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

### 2.1. Thị trường tiền tệ

#### Thị trường liên ngân hàng

##### Lãi suất LNH (6/2023-6/2024)

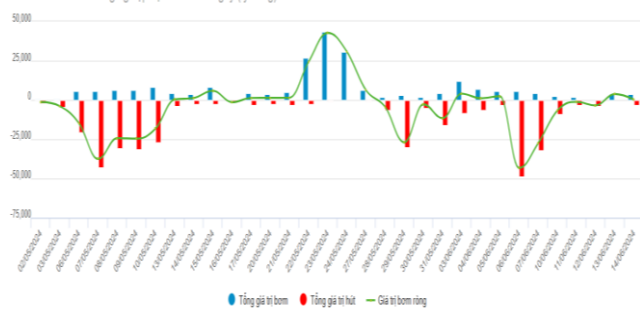


Tuần từ 10/06 - 14/06, lãi suất VND LNH tăng mạnh ở hầu hết các phiên ngoại trừ giảm khá mạnh phiên cuối tuần với tất cả các kỳ hạn.

Chốt ngày 14/06, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 4,45% (+0,35 đpt); 1W 4,58% (+0,20 đpt); 2W 4,73% (+0,21 đpt); 1M 4,90% (+0,07 đpt).

Lãi suất USD LNH vẫn ít biến động trong tuần qua. Phiên 14/06, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,27% (-0,03 đpt); 1W 5,33% (-0,02 đpt); 2W 5,39% (+0,01 đpt) và 1M 5,41% (-0,02 đpt).

## Thị trường mở Nghiệp vụ OMO (2/2024-6/2024)



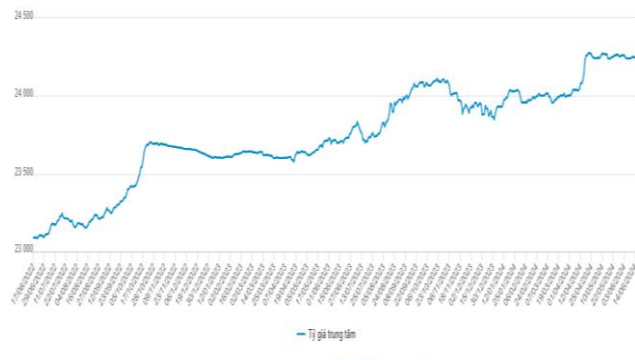
Trên thị trường mở tuần qua từ 10/06 - 14/06, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 15.000 tỷ VND, lãi suất giữ ở mức 4,5%. Có 5.106,84 tỷ đồng trúng thầu và 12.905,41 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 7.350 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất trúng thầu giữ ở mức 4,25%; có 6.000 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

Như vậy, NHNN hút ròng 9.148,57 tỷ VND từ thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 5.106,84 tỷ VND và khối lượng tín phiếu lưu hành ở mức 68.710 tỷ VND.

## Thị trường ngoại hối

### Tỷ giá trung tâm (6/2022-6/2024)



Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng - giảm nhẹ. Chốt ngày 14/06, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.249 VND/USD, tăng nhẹ 08 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá mua - bán giao ngay được NHNN tiếp tục niêm yết ở mức 23.400 - 25.450 VND/USD ở tất cả các phiên.

Tỷ giá LNH trong tuần từ 10/06 - 14/06 biến động nhẹ. Kết thúc phiên 14/06, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.454 VND/USD, tăng 54 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do tăng trở lại trong tuần qua, chốt phiên cuối tuần, tăng khoảng 150 đồng (mua vào) và 140 đồng (bán ra) so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch ở mức tỷ giá 25.730 VND/USD và 25.810 VND/USD.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

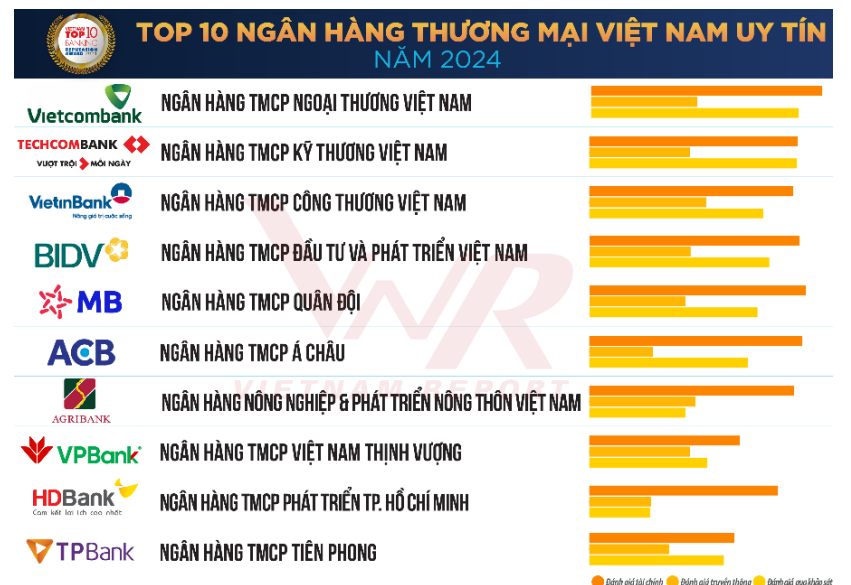
## III. THÔNG TIN HỘI VIÊN

### 10 ngân hàng uy tín nhất Việt Nam 2024

Ngày 10/6/2024, Vietnam Report công bố danh sách Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín năm 2024.

Các ngân hàng được đánh giá, xếp hạng dựa trên 3 tiêu chí chính:

- (1) Năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính năm gần nhất;
- (2) Uy tín truyền thông được đánh giá bằng phương pháp Media Coding - mã hóa các bài viết về ngân hàng trên các kênh truyền thông có ảnh hưởng;
- (3) Khảo sát đối tượng nghiên cứu và các bên liên quan được thực hiện cập nhật đến tháng 5/2024.



Vietnam Report nhận định thị trường chưa hoàn toàn thuận lợi nhưng ngành Ngân hàng vẫn sẽ có mức tăng trưởng tương đối tích cực trong năm nay.

Nguồn: Vietnam Report 2024

## 10 ngân hàng thực hiện kế hoạch hoặc công bố chủ trương trả cổ tức tiền mặt năm 2024

Cho đến giữa năm 2024, tình hình các ngân hàng chi trả cổ tức bằng tiền mặt cao hơn hẳn so với năm 2023 về cả số lượng ngân hàng và quy mô chi trả.

Tổng giá trị 10 ngân hàng chi trả ước tính lên đến khoảng trên 34.000 tỷ đồng, vượt xa so với năm 2023 khi chỉ có 6 ngân hàng trả 23.000 tỷ đồng cổ tức tiền mặt.

Trong các năm 2020-2022, NHNN ra chỉ thị buộc các ngân hàng trả cổ tức bằng cổ phiếu (trừ VCB, VietinBank, BIDV được trả bằng tiền mặt do Kho bạc Nhà nước yêu cầu).

## Công nghệ thanh toán mới

Ngày 14 - 16/6/2024, NAPAS giới thiệu công nghệ Tap to Phone - chuyển khoản bằng xác thực khuôn mặt - trong khuôn khổ Chương trình Ngày không tiền mặt (Cashless Day 2024) với chủ đề "Thúc đẩy thanh toán không tiền mặt an toàn, bảo mật" tại TP. Hồ Chí Minh.

Tap to Phone là dịch vụ do NAPAS triển khai cho các Tổ chức thanh toán (TCTT), giúp cho các Đơn vị chấp nhận thanh toán của TCTT có thể sử dụng thiết bị Soft POS để chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

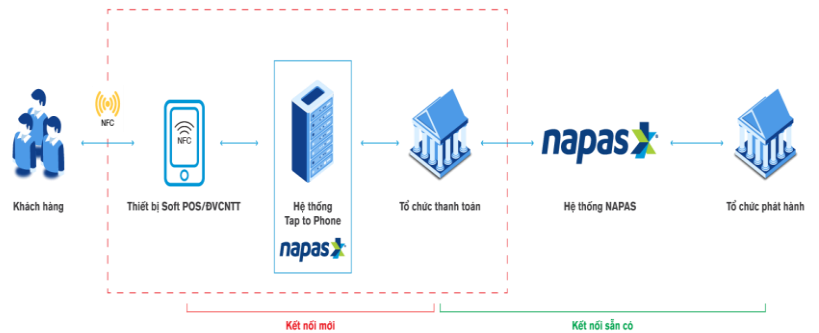
## FLEXI - sản phẩm có lợi suất sinh lời tối ưu



## Ngân hàng trả cổ tức tiền mặt hoặc cổ phiếu thưởng 2024

Ngân hàng	Mức chi trả tiền mặt	Trả bằng cp	Tổng chi (dự kiến, tỷ đồng)
ACB	10%	15%	3.884
HDBank	15%	15%	4.370
EXIMBank	3%	7%	552
MB	5%	15%	2.600
MSB	15%	15%	3.900
SHB	5%	11%	5.859
TCB	15%	100%	5.283
TPBank	5%	-	1.100
VIB	12,5%	17%	3.171
VPBank	10%	0%	7.934
OCB	0	20%	-
SeABank	0	13,18%	-
Nam Á	0	25%	-

## Mô hình thanh toán với thẻ nội địa của NAPAS



FLEXI là sản phẩm chứng chỉ tiền gửi do VietinBank phát hành cho khách hàng cá nhân.

Khi có nhu cầu vốn trước hạn, khách hàng có thể chuyển nhượng lại cho khách hàng khác hoặc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương (CTS) với giá thỏa thuận bằng hình thức giao dịch linh hoạt, an toàn và nhanh chóng.

Mệnh giá phát hành tối thiểu: 1 tỷ đồng. Mỗi khách hàng được mua tối đa 30 tỷ đồng.

Nguồn: HHHH tổng hợp

# DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ

TUẦN 2 tháng 6 (10-14/6/2024)

## Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	31/07/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	06/06/2023	18/07/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00 %	19/03/2024	31/07/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/04/2024	Không T/báo
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/06/2024
BoE	Anh	5.25%	5.00%	22/06/2023	03/08/2023
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	11/07/2024
BI	Indonesia	6.25%	6.00%	24/04/2024	20/06/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	21/08/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	Không T/báo

## Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo tuần	+/_% theo tháng	+/_% Y/Y
EURUSD	1.07016	-0.92%	-1.71%	-2.22%
GBPUSD	1.26856	-0.23%	-0.02%	-0.75%
AUDUSD	0.66148	0.55%	-1.27%	-3.92%
USDJPY	157.370	0.40%	1.99%	12.19%
USDCNY	7.27033	0.11%	0.83%	2.11%
USDCAD	1.37331	-0.24%	1.00%	3.87%
USDRUB	89.6150	0.30%	-1.61%	7.36%
USDKRW	1383.32	0.24%	2.26%	8.92%
DXY	105.522	0.55%	1.27%	3.34%
USDTHB	36.6800	-0.41%	1.13%	6.04%
USDSGD	1.35330	0.08%	0.72%	1.26%

## Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
United States	4.2209	-0.21%	-0.12%	0.49%
United Kingdom	4.0592	-0.20%	-0.01%	-0.32%
Japan	0.9380	-0.03%	-0.02%	0.51%
Australia	4.1550	-0.08%	-0.18%	0.13%
Germany	2.3570	-0.26%	-0.06%	-0.15%
China	2.2920	-0.02%	-0.01%	-0.39%
Singapore	3.1670	-0.04%	-0.10%	0.14%
South Korea	3.3110	-0.08%	-0.14%	-0.37%
Taiwan	1.6540	0.08%	0.05%	0.47%
Thailand	2.7750	0.01%	-0.01%	0.23%
Vietnam	2.9010	-0.01%	0.02%	-0.16%
Hong Kong	3.5690	-0.09%	-0.25%	-0.05%
Indonesia	7.1400	0.23%	0.21%	0.86%

## Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 tuần	+/_% 1 tháng	+/_% sv đầu năm	+/_% sv 1Y	+/_% sv 3 Y
Dow Jones	-0.54%	-3.54%	+2.39%	+12.51%	+14.09%
S&P 500	+1.58%	+2.42%	+13.87%	+23.18%	+28.65%
Nasdaq	+3.27%	+6.04%	+17.87%	+29.25%	+24.94%
DAX	-2.89%	-3.66%	+7.57%	+10.17%	+14.58%
FTSE 100	-1.19%	-3.25%	+5.35%	+6.60%	+13.89%
CAC 40	-6.23%	-8.13%	-0.53%	+1.55%	+12.56%
Euro Stoxx 50	-4.21%	-4.45%	+7.01%	+10.10%	+16.36%
Nikkei 225	+0.44%	+0.17%	+16.11%	+15.27%	+33.90%
Shanghai	-0.61%	-3.85%	+1.94%	-7.35%	-13.98%
Hang Seng	-2.31%	-8.24%	+5.25%	-10.47%	-37.18%
SET	-1.96%	-5.51%	-7.72%	-16.21%	-19.23%
KOSPI	+1.31%	+1.24%	+3.88%	+5.05%	-15.52%

## Thị trường hàng hóa thế giới

1. Năng lượng	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y	3.Khoáng sản	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
Crude Oil USD/Bbl	78.450	3.87%	-0.23%	10.73%	Copper USD/Lbs	4.4950	0.26%	-8.72%	15.26%
Natural gas USD/MMBtu	2.8810	-1.27%	19.25%	10.55%	Steel CNY/T	3455.00	0.20%	-0.49%	-8.65%
Gasoline USD/Gal	2.4035	0.97%	-4.09%	-5.29%	Aluminum USD/T	107.33	-1.06%	-7.71%	-4.96%
Coal USD/T	135.15	1.62%	-4.49%	-0.59%	Tin USD/T	2517.50	-2.35%	-3.12%	11.91%
2.Kim loại quý					Zinc USD/T	32318	2.75%	-3.27%	18.71%
Gold USD/t.oz	2332.23	1.71%	-2.49%	19.13%	Nikel USD/T	2767.50	0.02%	-7.01%	11.57%
Silver USD/t.oz	29.549	1.34%	-0.62%	23.87%	Coffee USD/Lbs	17575	-2.53%	-9.82%	-23.26%
Lithium CNY/T	97500	-3.94%	-7.58%	-68.80%	Rice USD/cwt	226.05	0.54%	12.74%	20.88%
Platinum SD/t.oz	962.80	-0.73%	-10.84%	-2.30%					

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 15/6/2024

## C. VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

### \* VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
CP	Về việc bổ nhiệm lại ông Đào Quang Trường giữ chức Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam	12/06/2024		Chinhphu.vn

### \* VĂN BẢN DỰ THẢO XIN Ý KIẾN

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 35/2016/TT-NHNN	14/06/2024	Sbv.gov.vn

---

### Thông tin liên hệ:

#### BAN BIÊN TẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VNBA

Địa chỉ: 193 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 821 8733 | Email:

Website: [www.vnba.org.vn](http://www.vnba.org.vn) | Facebook: Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam

Youtube: Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam | TikTok: Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam